

Bản án số: 22/2022/HNGĐ – ST

Ngày 02-6-2022

V/v “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ri

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc “ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị N, sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 216, tổ 4, ấp 11A, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Ông Lê Đình G, sinh năm: 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 216, tổ 4, ấp 11A, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông Lê Đình G tự nguyện sống chung vào năm 1992 và đến năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 03 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại tổ 4, ấp 11A, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông G có hành vi đánh đập, đe dọa và đập phá đồ đạc trong nhà nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể quay lại sống chung với nhau được nữa nên bà N xin được ly hôn với ông G.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Thùy H, sinh ngày: 02/6/1993, Lê Thị Thu H1, sinh ngày: 04/10/1994, Lê Đình Anh Dũng, sinh ngày: 18/10/2001 và Lê Thị Thủy T, sinh ngày: 30/3/2007. Khi ly hôn, đối với con tên H, con tên Hà, con tên Dũng đã trưởng thành, bà N không yêu cầu giải quyết, đối với con tên T, bà N xin được nuôi con. Hiện bà N không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Bà N không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N và ông G tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và ông G không nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai - bị đơn ông Lê Đình G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông G thống nhất lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, về thời gian mâu thuẫn. Ông G thừa nhận ông có nóng nảy, uống rượu và đập phá đồ đạc trong nhà nhưng nguyên nhân là do bà N thường xuyên đi qua đêm dù ông G đã năn nỉ bà N đừng làm như vậy nhiều lần nhưng bà N vẫn không thay đổi. Tuy nóng nảy nhưng ông G không có đánh vợ, vẫn yêu thương vợ con, ông G có đi làm thợ hồ kiếm tiền cho gia đình, mâu thuẫn trong gia đình không đến mức trầm trọng. Nay bà N xin ly hôn thì ông G không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Thùy H, sinh ngày: 02/6/1993, Lê Thị Thu H1, sinh ngày: 04/10/1994, Lê Đình Anh Dũng, sinh ngày: 18/10/2001 và Lê Thị Thủy T, sinh ngày: 30/3/2007. Vì ông G không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung. Hiện bà N không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Ông G không có ý kiến và không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị N được ly hôn với ông Lê Đình G.

+ Về con chung: Giao con chung tên là Lê Thị Thủy T, sinh ngày: 30/3/2007 cho bà Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông Lê Đình G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà N và ông G tự thỏa thuận nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà N và ông G khẳng định không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị N có đơn khởi kiện ly hôn với ông Lê Đình G tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Bà N và ông G có hộ khẩu và sinh sống tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã có ý kiến và văn bản đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Hoàng Thị N và ông Lê Đình G tự nguyện sống chung vào năm 1992 và đến năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo giấy nhận kết hôn năm 2000 của UBND xã Lộc Thiện nên hôn nhân giữa bà Hoàng Thị N và ông Lê Đình G là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa thì bà N cho rằng vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm,

thường xuyên cãi nhau, ông G có hành vi đánh đập, đe dọa và đập phá đồ đạc trong nhà nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N xin được ly hôn với ông G. Ông G cũng thống nhất giữa ông G và bà N có mâu thuẫn với nhau nhưng mâu thuẫn không trầm trọng, ông G vẫn còn tH vợ con và ông G không đồng ý ly hôn với bà N.

Tại phiên tòa bà N khẳng định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông G nữa và cương quyết xin ly hôn. Bà N đã nộp đơn xin ly hôn với ông G vào năm 2021, sau đó bà đã rút đơn khởi kiện để cho ông G cơ hội giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn chưa được giải quyết. Mặt khác, ông G không muốn ly hôn nhưng cũng không tham gia tố tụng để đưa ra phương hướng hoặc hòa giải đoàn tụ với bà N. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông G đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà N được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà N và ông G có 04 con chung tên Lê Thị Thùy H, sinh ngày: 02/6/1993, Lê Thị Thu H1, sinh ngày: 04/10/1994, Lê Đình Anh Dũng, sinh ngày: 18/10/2001 và Lê Thị Thủy T, sinh ngày: 30/3/2007. Xét thấy con tên H, con tên Hà, con tên Dũng đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và bà N cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con tên là Lê Thị Thủy T có nguyện vọng sống chung với bà N, bà N cũng đồng ý nuôi con và ông G không có ý kiến gì nên cần tiếp tục giao con chung tên là Lê Thị Thủy T cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà N tự nguyện xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà N.

Về tài sản chung: Bà N và ông G tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và ông G khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà N phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Lộc Ninh là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị N được ly hôn với ông Lê Đình G.

2/ Về con chung: Giao cho bà Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung tên Lê Thị Thủy T, sinh ngày: 30/3/2007.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N. Bà N có quyền khởi kiện để yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con ở vụ án khác.

4/ Về tài sản chung: Bà N và ông G tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5/ Về nợ chung: Bà N và ông G khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 0009812 ngày 29/4/2022.

7/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thiện
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Quyết